TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-7-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm* có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Thảo T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp XM, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp HL, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2019; bản tự khai - nguyên đơn chị Võ Thị Thảo T trình bày:

Chị và anh Tr chung sống với nhau vào năm 2011, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH. Sau khi kết hôn, vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của vợ chồng mua. Trong thời gian chung sống, chị làm công nhân còn anh Tr làm mướn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng

03 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Tr thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gỗ với chị. Anh Tr còn cờ bạc, mỗi lần gây gỗ anh Tr lại đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường xây năm 2014 trên phần đất của vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn G; hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Tr. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thành Tr trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn, anh thừa nhận anh có uống rượu, có cờ bạc nhưng không thường xuyên. Anh cũng bị Công an xã AH xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Anh thừa nhận có đánh vợ 01 - 02 bạt tay trong lúc vợ chồng cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay, trong thời gian sống ly thân, anh có năn nỉ vợ về nhưng vợ không đồng ý. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T vì còn thương vợ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Tr.

Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Tr tự nguyện chung sống vào năm 2011, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh Tr thường xuyên uống rượu và đánh chị T. Mặc dù, anh Tr không thừa nhận nhưng qua xác minh chính quyền địa phương thể hiện anh Tr thường xuyên đánh chị T đã được chính quyền địa phương nhắc nhở nhiều lần. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Từ khi ly thân mặc dù anh Tr có đặt vấn đề đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn anh Tr, anh Tr xin đoàn tụ. Căn cứ từ phân tích trên, xét tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt giải quyết.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thảo T đối với anh Nguyễn Thành Tr.

Chị Võ Thị Thảo T được ly hôn với anh Nguyễn Thành Tr.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết

3. Về án phí: Chị Võ Thị Thảo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017042 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với anh Tr vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã AH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm